

**HỘ GIA ĐÌNH
NGUYỄN VIỆT THĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Hoà, ngày 06 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

**Lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ
đầu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp**

Kính gửi: UBND xã Phú Hoà, TP Đồng Nai

Căn cứ Nghị định số 58/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP.

Hộ gia đình Nguyễn Việt Thăng thông báo lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp gồm các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin hộ gia đình:

a) Tên: Nguyễn Việt Thăng

b) Số định danh cá nhân/CCCD (đối với cá nhân): 040080002723

Mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):

c) Địa chỉ: ấp Phú Hoa, xã Phú Hoà, TP Đồng Nai

d) Số điện thoại: 0937888740

đ) Email (nếu có):

e) Mã số khách hàng sử dụng điện: PK06000072730

2. Vị trí lắp đặt: ấp Phú Hoa, xã Phú Hoà, TP Đồng Nai

3. Thông tin mô tả sơ bộ về công trình xây dựng:

a) Kết cấu: Bê tông cốt thép; sân thượng lầu 3.

b) Chiều cao công trình: 20 mét

c) Diện tích mái: 30 m²

4. Công suất lắp đặt:

- Tổng công suất tấm quang điện (kWp): 7,380 (12 tấm x 615 W)

- Tổng sản lượng điện lưu trữ tại hệ thống lưu trữ điện (nếu có, kWh): 16

- Tổng công suất định mức của các bộ chuyển đổi nghịch lưu - inverter (kW): 6

5. Phương án xử lý sản lượng điện dư (đánh dấu x vào phương án chọn):

a	Đồng ý bán sản lượng điện dư vào lưới điện của bên mua và chịu trách nhiệm đầu tư, lắp đặt công tơ điện có đo xa và kết nối với hệ	
---	--	--

	thống thu thập dữ liệu từ xa của đơn vị điện lực, bảo đảm thiết bị phù hợp với quy định của pháp luật.	
b	Không bán sản lượng điện dư và chịu trách nhiệm kiểm định về an toàn điện, tuân thủ các quy định về quản lý vận hành công trình điện và các quy định về điều kiện kỹ thuật, nghiệm thu an toàn theo quy định.	x

6. Thời gian dự kiến lắp đặt và thời gian hoàn thành: 09/09/2026

II. CAM KẾT

Hộ gia đình **Nguyễn Viết Thăng** cam kết thực hiện xây dựng, lắp đặt, vận hành nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ như sau:

- Bảo đảm an toàn công trình, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường trước và trong quá trình lắp đặt nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ;
- Sử dụng, lắp đặt các thiết bị phục vụ phát điện bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định pháp luật. Không nhập khẩu các tấm quang điện, thiết bị chuyển đổi điện một chiều thành điện xoay chiều đã qua sử dụng;
- Thực hiện đúng tiến độ đã đăng ký phát triển tại điểm 6 Mục I nêu trên;
- Bảo đảm an toàn xây dựng, an toàn môi trường, phòng cháy và chữa cháy trong quá trình vận hành;
- Không vi phạm các quy định trong quá trình phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

III. ĐỀ NGHỊ

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP, tôi/chúng tôi đề nghị các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước hướng dẫn thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường; đề nghị đơn vị điện lực quản lý lưới điện hướng dẫn công tác lắp đặt, đấu nối kỹ thuật điện nhằm bảo đảm an toàn điện trong quá trình vận hành.

Ý kiến hướng dẫn đề nghị gửi dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử hoặc gửi thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia theo mã hồ sơ điện tử của Thông báo, đồng thời thông báo theo thông tin liên hệ ghi tại Mục I của Thông báo này để kịp thời triển khai lắp đặt nguồn điện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

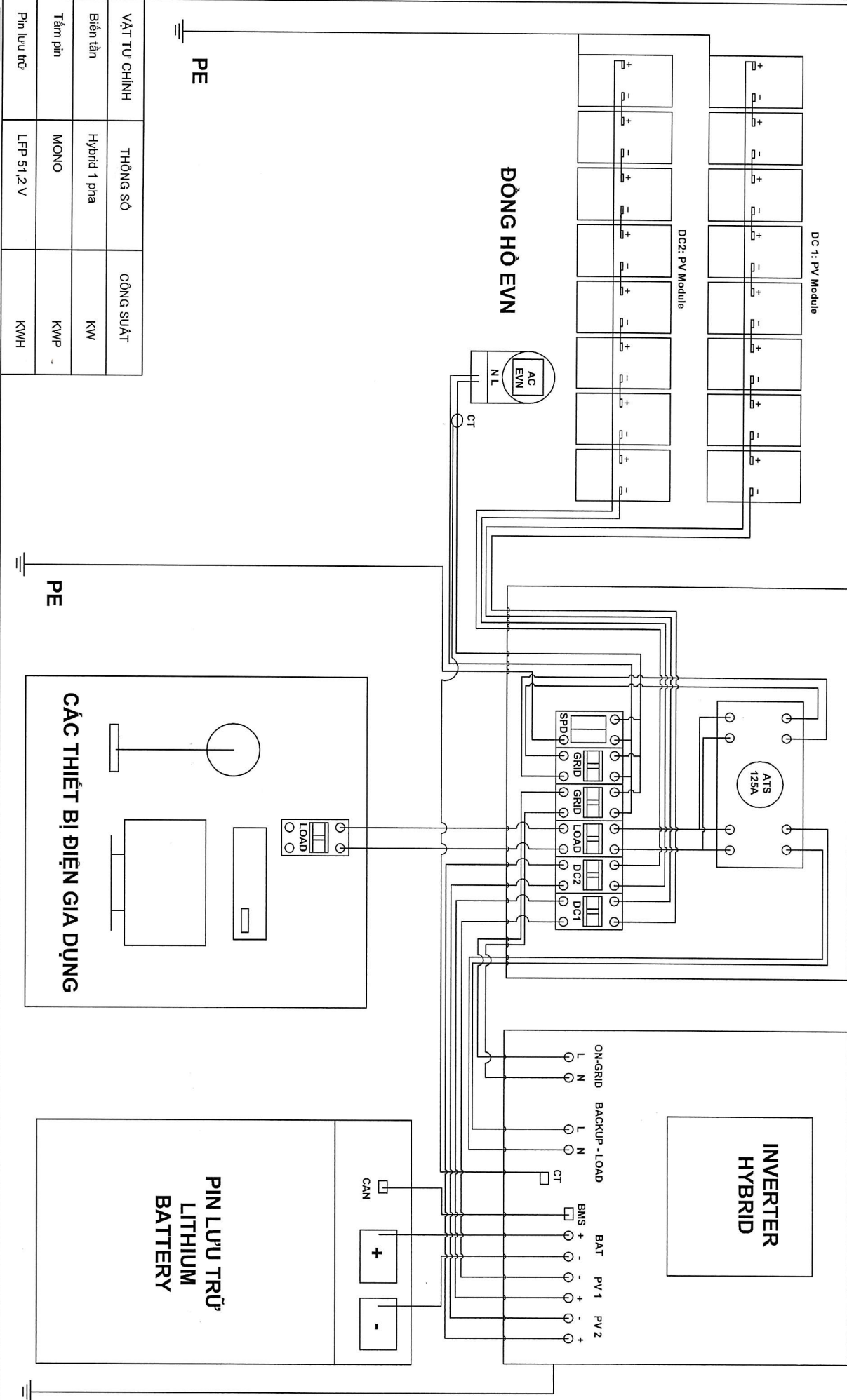


Nguyễn Viết Thăng

TẦM PIN NĂNG LƯỢNG

TỦ ĐIỆN

BIẾN TẦN



VẬT TƯ CHÍNH	THÔNG SỐ	CÔNG SUẤT
Biến tần	Hybrid 1 pha	KW
Tấm pin	MONO	KWP
Pin lưu trữ	LFP 51,2 V	KWH



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ XANH NAM LONG SOLAR
(T) : 0522.00.99.88
(A) : 29/69 Bui Hien Nghia, KP TAN VAN 3, P. Bien Hoa, T. Dong Nai

Giám đốc: KS. PHẠM XUÂN HUY
Thiết kế: KS. ĐẶNG VIỆT LONG

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI
CHỦ ĐẦU TƯ: MÃ DÒNG HỒ:

Tên bản vẽ: BẢN VẼ THIẾT KẾ LẮP ĐẶT NGUỒN ĐIỆN
Ngày giao:/...../202... TL

Bản vẽ số: NLS-01 BMT

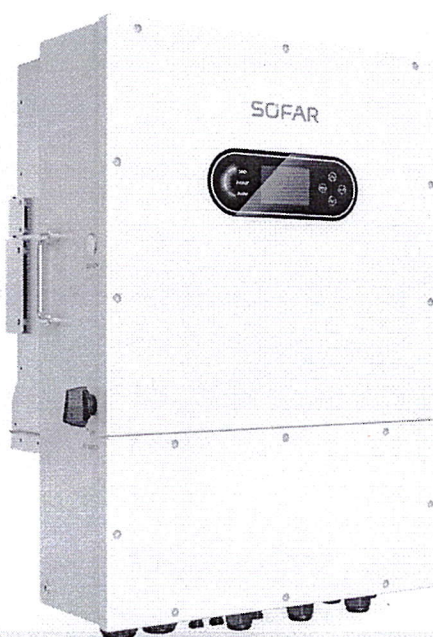
Ghi chú:

SOFAR

HYD-5-20K-LT1

5 / 6 / 6.5 / 8 / 9.9 / 10 / 12 / 15 / 20 kW

Three-phase hybrid inverter



Robustness

- Maximum 200% PV input and 40A per MPPT
- 200% overload capability for 10 seconds
- Max. charging/discharging current of 350A



Safety

- IP66 protection rating
- Integrated type II surge protection
- AI based AFCI protection(Optional)



Flexibility

- Multiple inverters in parallel connection
- Flexible expansion of battery power and capacity
- Integration of generators to extend backup duration

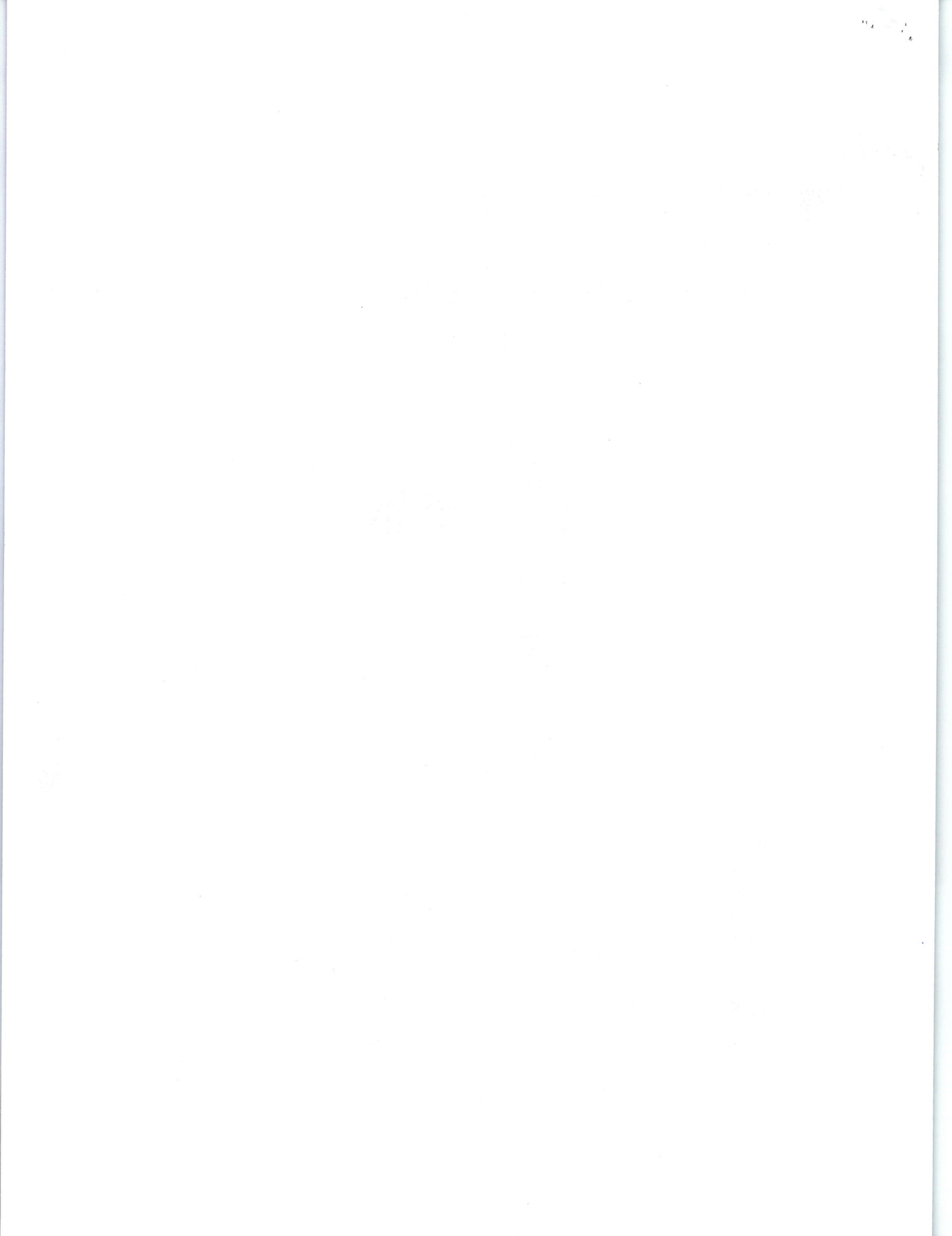


Intelligent

- UPS-level switching time < 4ms (Typical)
- Supports 100% unbalanced on both the BACKUP and GRID port
- Multi-function EMS integrated, highly utilization ratio of solar energy

www.sofarsolar.com

© As of October 2025, SOFARSOLAR Co., Ltd. The depiction of colors and shape of the product may differ from the original. SOFAR reserves the right to make changes or improvements to the products without prior notice. Ordering information is valid for specialist retailers. All brands or logos are trademarks or registered trademarks of their respective owners. All rights, technical modifications, and errors reserved.



Model	HYD-5K-LT1	HYD-6K-LT1	HYD-6.5K-LT1	HYD-8K-LT1	HYD-9.9K-LT1-A	HYD-10K-LT1	HYD-12K-LT1	HYD-15K-LT1	HYD-20K-LT1	
PV Input										
Recommended Max. PV Power	10 kWp	12 kWp	13 kWp	16 kWp	20 kWp	20 kWp	24 kWp	30 kWp	40 kWp	
Max. Input Voltage					1000 Vd.c.					
Start-up Voltage ^[1]					200 Vd.c.					
Rated Input Voltage					600 Vd.c.					
MPP Voltage Range					160-950 Vd.c.					
Number of MPPT					2					
Max. Number of Input Strings per MPPT					2/2					
Max. Input Current					40/40 A					
Max. Isc					50/50 A					
Battery										
Voltage Range					40-60 Vd.c.					
Number of Battery Input Channels					1					
Max. Charging Power					12 kW	20 kW				
Max. Discharging Power	5 kW	6 kW	6.5 kW	8 kW	9.9 kW	10 kW	12 kW	15 kW	20 kW	
Max. Charging Current					240 A	350 A				
Max. Discharging Current	100 A	120 A	130 A	160 A	195A	200 A	240 A	300 A	350 A	
Battery Type ^[2]					Lead-acid or Lithium-ion					
BMS Communication					RS-485/CAN					
AC Backup										
Rated Output Voltage					3N→PE, 380/400/415 V.a.c.					
Rated Output Frequency					50/60 Hz					
Rated Output Power	5 kW	6 kW	6.5 kW	8 kW	9.9 kW	10 kW	12 kW	15 kW	20 kW	
Rated Output Current	7.6/7.2/6.9 A	9.1/8.7/8.3 A	9.9/9.4/9.0 A	12.1/11.6/11.1 A	15.0/14.3/13.8 A	15.2/14.5/13.9 A	18.2/17.4/16.7 A	22.8/21.7/20.9 A	30.4/28.9/27.8 A	
Rated Apparent Power	5 kVA	6 kVA	6.5 kVA	8 kVA	9.9 kVA	10 kVA	12 kVA	15 kVA	20 kVA	
Max. Apparent Power	5.5 kVA	6.6 kVA	7.15 kVA	8.8 kVA	9.9 kVA	11 kVA	13.2 kVA	16.5 kVA	22 kVA	
Max. Output Current	8.3/8.0/7.6 A	10/9.6/9.2 A	10.9/10.3/9.9 A	13.3/12.8/12.2 A	15.0/14.3/13.8 A	16.7/15.9/15.3 A	20.0/19.1/18.3 A	25.1/23.8/23.0 A	33.4/31.8/30.6 A	
Peak Output Apparent Power ^[3]					2 times of rated power, 10s					
THDv(@ linear load)					<3%					
Switching Time					4 ms default					
Asymmetric load					Yes, Supports 100% three-phase unbalanced load					
AC Generator										
Rated Input Voltage					3N→PE, 380/400/415 V.a.c.					
Rated Input Frequency					50/60 Hz					
Rated Input Power	5 kW	6 kW	6.5 kW	8 kW	9.9 kW	10 kW	12 kW	15 kW	20 kW	
Rated Input Current	7.6/7.2/6.9 A	9.1/8.7/8.3 A	9.9/9.4/9.0 A	12.1/11.6/11.1 A	15.0/14.3/13.8 A	15.2/14.5/13.9 A	18.2/17.4/16.7 A	22.8/21.7/20.9 A	30.4/28.9/27.8 A	
Rated Apparent Power	5 kVA	6 kVA	6.5 kVA	8 kVA	9.9 kVA	10 kVA	12 kVA	15 kVA	20 kVA	
Max. Apparent Power	5.5 kVA	6.6 kVA	7.15 kVA	8.8 kVA	9.9 kVA	11 kVA	13.2 kVA	16.5 kVA	22 kVA	
Max. Input Current	8.3/8.0/7.6 A	10/9.6/9.2 A	10.9/10.3/9.9 A	13.3/12.8/12.2 A	15.0/14.3/13.8 A	16.7/15.9/15.3 A	20.0/19.1/18.3 A	25.1/23.8/23.0 A	33.4/31.8/30.6 A	
AC Grid										
Rated Voltage					3N→PE, 380/400/415 V.a.c.					
Rated Frequency					50/60 Hz					
Rated Output Power	5 kW	6 kW	6.5 kW	8 kW	9.9 kW	10 kW	12 kW	15 kW	20 kW	
Rated Output Current	7.6/7.2/6.9 A	9.1/8.7/8.3 A	9.9/9.4/9.0 A	12.1/11.6/11.1 A	15.0/14.3/13.8 A	15.2/14.5/13.9 A	18.2/17.4/16.7 A	22.8/21.7/20.9 A	30.4/28.9/27.8 A	
Rated Apparent Power	5 kVA	6 kVA	6.5 kVA	8 kVA	9.9 kVA	10 kVA	12 kVA	15 kVA	20 kVA	
Max. Apparent Power	5.5 kVA	6.6 kVA	7.15 kVA	8.8 kVA	9.9 kVA	11 kVA	13.2 kVA	16.5 kVA	22 kVA	
Max. Output Current	8.3/8.0/7.6 A	10/9.6/9.2 A	10.9/10.3/9.9 A	13.3/12.8/12.2 A	15.0/14.3/13.8 A	16.7/15.9/15.3 A	20.0/19.1/18.3 A	25.1/23.8/23.0 A	33.4/31.8/30.6 A	
Max. Input Current ^[4]	35 A				40 A	45 A				
THDI					<3%	50 A				
Power Factor Range					0.8 lagging-0.8 leading					
Efficiency										
Max. MPPT Efficiency					99.9%					
Max. Efficiency					97.6%					
European Efficiency					97.0%					
Max. Efficiency of Charging/Discharging ^[5]					95.0%					
Protection										
DC Switch					Yes					
PV Reverse Connection Protection					Yes					
Battery Reverse Connection Protection					Yes					
Output Short Circuit Protection					Yes					
Output Overcurrent Protection					Yes					
Output Overvoltage Protection					Yes					
Insulation Impedance Detection					Yes					
Residual Current Detection					Yes					
Anti-island Protection					Yes					
Surge Protection ^[6]					Yes					
PV: Type II, AC: Type II										
General Parameter										
Inverter Topology					Non-Isolation					
Protective Class					Class I					
IP Rating					IP66					
Overvoltage Category					AC III, DC II					
Operating Temperature Range					-30°C to + 60°C (derating above +45°C)					
Relative Humidity Range					5%-95%					
Max. Operating Altitude					4000 m (derating above 2000 m)					
Standby Self-consumption ^[7]					<15 W					
Installation Method					Wall Mounted					
Dimensions(W×H×D)					485×680×290 mm					
Cooling Mode					Intelligent Airflow					
Weight					52 kg					
Communication					RS485, Optional: Wi-Fi/4G/LAN					
Display					LCD & APP					

[1] Minimum PV voltage to start MPPT operation. [2] Please refer to document "SOFAR Inverter Model compatible battery list". [3] Full sun and battery. [4] Continuous AC passthrough current from grid to load
[5] Battery-AC maximum efficiency of battery charge and discharge. [6] According to EN/IEC 61643-11. [7] Standby loss at rated input voltage.

*All specifications are subject to change without notice.

SHENZHEN SOFARSOLAR CO., LTD

11 / F, Gaoxinqi science and technology building, district 67,Xingdong community, Xin'an street, Bao'an District, Shenzhen, China
Tel: 0755-26423805

CERTIFICATE OF QUANTITY AND QUALITY

Issuer: SHENZHEN SOFARSOLAR CO., LTD				Date: 2026-07-21			Invoice No.: SZ-SEA-VN-202606-0256	
To: SODEMA JOINT STOCK COMPANY ADDRESS: FLOOR 3, APARTMENT L1.10, NO. 430 CAU AM STREET, HA DONG WARD, HANOI CITY, VIETNAM 10000 TELEPHONE: +84 976 534 591 CONTACT PERSON: MS ROSIE - PURCHASING STAFF VAT: 0108379979 EMAIL: PURCHASING01@SODEMA.VN							P/I No.: SZ-SEA-VN-202606-0256	
From: SHEKOU, CHINA							Country of Origin: CHINA	
To: VIETNAM				Terms of Delivery HO CHI MINH CITY, Vietnam				
Name of Commodity	Description& Specification	Qty. (Unit)	Country standard	Ctns	Volume (CBM)	Warranty (Years)	N.W. (KG)	G.W. (KG)
Single-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-6K-LS1-PRO	15	VIETNAM	15	1.95	5	360.00	480.00
Single-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-8K-LS1-PRO	15	VIETNAM	15	1.95	5	360.00	480.00
Single-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-10K-LS1	15	VIETNAM	15	2.40	5	472.50	525.00
Single-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-12K-LS1	15	VIETNAM	15	2.40	5	472.50	600.00
Three-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-8K-LT1	4	VIETNAM	4	1.12	5	212.00	264.00
Three-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-10K-LT1	6	VIETNAM	6	1.68	5	318.00	396.00
Three-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-12K-LT1	4	VIETNAM	4	1.12	5	212.00	264.00
Three-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-15K-LT1	6	VIETNAM	6	1.68	5	318.00	396.00
Three-phase Grid-tie and Off-grid Inverter	SOFAR HYD-20K-LT1	10	VIETNAM	10	2.80	5	530.00	660.00
In Total:		90		90	17.10		3255.00	4065.00
HERE, WE CERTIFIED THAT THE GOODS MENTIONED ABOVE HAVE BEEN INSPECTED, TESTED AND UNLESS OTHERWISE STATED. CONFORM IN ALL RESPECTS OF THE INVOICE: SZ-SEA-VN-202606-0256								

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) SHENZHEN SOFARSOLAR CO., LTD 11 / F, GAOXINQI SCIENCE AND TECHNOLOGY BUILDING, DISTRICT 67, XINGDONG COMMUNITY, XIN'AN STREET, BAO'AN DISTRICT, SHENZHEN, CHINA			Reference No. E2607111227X0050 		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) SODEMA JOINT STOCK COMPANY ADDRESS: FLOOR 3, APARTMENT L1.10, NO. 430 CAU AM STREET, HA DONG WARD, HANOI CITY, VIETNAM 10000 TELEPHONE: +84 976 534 591 CONTACT PERSON: MS ROSIE - PURCHASING STAFF VAT: 0108379979 EMAIL: PURCHASING01@SODEMA.VN			ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date JUL. 30, 2026 Vessel's name / Aircraft etc. <u>MSC POLONIA III HQ628A</u> Port of Discharge <u>HO CHI MINH, VIET NAM</u> FROM SHEKOU, CHINA TO HO CHI MINH, VIET NAM BY SEA			4. For Official Use Verification: <u>origin.customs.gov.cn</u> ☐ <u>Preferential Treatment Given</u> ☐ <u>Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s)</u>		
Signature of Authorised Signatory of the Importing Party					
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of invoices
1	N/M	FIFTEEN (15) CARTONS OF SINGLE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-6K-LS1-PRO HS CODE: 8504.40	"PSR"	15PIECES	SZ-SEA-VN-20 2606-0256 JUL. 21, 2026
2		FIFTEEN (15) CARTONS OF SINGLE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-8K-LS1-PRO HS CODE: 8504.40	"PSR"	15PIECES	
3		FIFTEEN (15) CARTONS OF SINGLE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-10K-LS1 HS CODE: 8504.40	"PSR"	15PIECES	
4		FIFTEEN (15) CARTONS OF SINGLE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR	"PSR"	15PIECES	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the <u>Shenzhen, China, AUG. 07, 2026</u> Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration of the exporter is correct.  尚晨飞  2653000326331 Shenzhen, China, AUG. 07, 2026 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing					

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) *****		Reference No. E2607111227X0050 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes	
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) *****		4. For Official Use Verification: <u>origin.customs.gov.cn</u> ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party	
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name / Aircraft etc. ***** Port of Discharge			

5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
5		HYD-12K-LS1 HS CODE: 8504.40 FOUR (4) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-8K-LT1 HS CODE: 8504.40	"PSR"	4PIECES	
6		SIX (6) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-10K-LT1 HS CODE: 8504.40	"PSR"	6PIECES	
7		FOUR (4) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-12K-LT1 HS CODE: 8504.40	"PSR"	4PIECES	

11. Declaration by the exporter

The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in

CHINA

(Country)

and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the

(in Issuing Country)

陈维涛

Shenzhen, China, AUG. 07, 2026

Place and date, signature of authorised signatory

12. Certification

It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.

尚晨飞

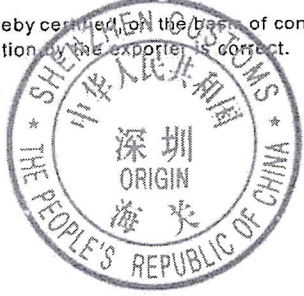
2653000326331

 Shenzhen, China, AUG. 07, 2026
 Place and date, signature and stamp of certifying authority

13.

☒ Issued Retroactively
☐ Movement Certificate

☐ Exhibition
☐ Third Party Invoicing

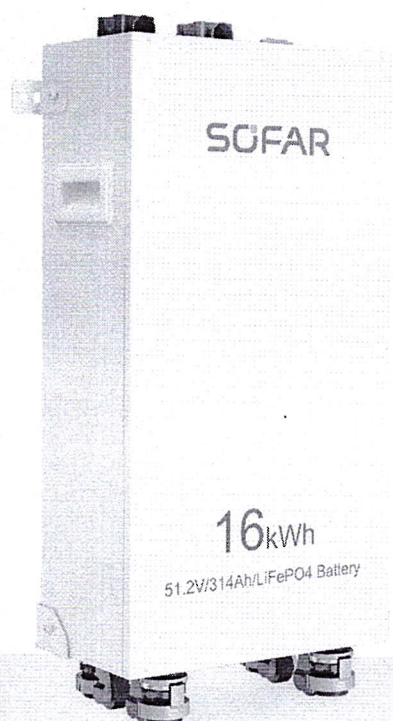
1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) *****		Reference No. E2607111227X0050 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes																			
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) *****		4. For Official Use Verification: origin.customs.gov.cn ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party																			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name / Aircraft etc. ***** Port of Discharge		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 10%;">5. Item Number</th> <th style="width: 10%;">6. Marks and numbers on packages</th> <th style="width: 30%;">7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)</th> <th style="width: 10%;">8. Origin criteria (see Overleaf Notes)</th> <th style="width: 10%;">9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied</th> <th style="width: 10%;">10. Number, date of Invoices</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">8</td> <td></td> <td>SIX (6) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-15K-LT1 HS CODE: 8504.40</td> <td style="text-align: center;">"PSR"</td> <td style="text-align: center;">6PIECES</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">9</td> <td></td> <td>TEN (10) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-20K-LT1 HS CODE: 8504.40 TOTAL : NINTY (90) CARTONS ONLY *** **</td> <td style="text-align: center;">"PSR"</td> <td style="text-align: center;">10PIECES</td> <td></td> </tr> </table>		5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices	8		SIX (6) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-15K-LT1 HS CODE: 8504.40	"PSR"	6PIECES		9		TEN (10) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-20K-LT1 HS CODE: 8504.40 TOTAL : NINTY (90) CARTONS ONLY *** **	"PSR"	10PIECES	
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices																
8		SIX (6) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-15K-LT1 HS CODE: 8504.40	"PSR"	6PIECES																	
9		TEN (10) CARTONS OF THREE-PHASE GRID-TIE AND OFF-GRID INVERTER SOFAR HYD-20K-LT1 HS CODE: 8504.40 TOTAL : NINTY (90) CARTONS ONLY *** **	"PSR"	10PIECES																	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in CHINA ----- (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the  (Importing Country) Shenzhen, China, AUG. 07, 2026 ----- Place and date, signature of authorised signatory		12. Certification It is hereby certified on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  尚晨飞  2653000326331 ----- Shenzhen, China, AUG. 07, 2026 ----- Place and date, signature and stamp of certifying authority																			
13. ☒ Issued Retroactively ☐ Exhibition ☐ Movement Certificate ☐ Third Party Invoicing																					

SOFAR

SF-16KWH-L1

16 kWh

Low voltage battery



We've
GOT YOU COVERED
with CGL insurance.



High power

- Lithium iron phosphate(LFP) cell
- Up to 10 kW continuous output



Flexible capacity

- Module design
- Up to 16 units in parallel(Max. 256kWh)



Easy installation & maintenance

- 500 kg-rated casters, easy movement
- Auto networking for battery
- Remote monitoring & OTA via SOFAR inverter



Ultimate safety

- Built-in intelligent BMS, full protection from cell to modules

www.solarsolar.com

© As of December 2025, SOFARSOLAR Co., Ltd. The depiction of colors and shape of the product may differ from the original. SOFAR reserves the right to make changes or improvements to the products without prior notice. Ordering information is valid for specialist retailers. All brands or logos are trademarks or registered trademarks of their respective owners. All rights, technical modifications, and errors reserved.

Model	
SF-16KWH-L1	
System Parameters	
Battery type	LiFePO ₄ - lithium iron phosphate battery
Total energy	16 kWh
Rated voltage	51.2 V
Operating voltage range	44.8 V-57.6 V
Rated charging/discharging power	7.5 kW/7.5 kW
Rated charging/discharging current	150 A/150 A
Max.charging/discharging current	150 A/200 A
Depth of Discharge	90%
Max.Parallel Quantity	16 pcs
General Parameters	
Communication	CAN
Dimension (W×H×D)	425×235×860mm
Weight	115 kg
Protection rating	IP20
Cooling	Natural
Operating temperature	Charge: 0°C ~ +55°C / Discharge: -20°C ~ +60°C
Humidity	5%-95%
Installation	Floor Mounted / Wall Mounted
Max.operating altitude	4000m
Warranty	10 years
Cycle life ⁽¹⁾	8000 cycles

(1) Test conditions: 0.2C charging/discharging at 25°C,100%DOD

*All specifications are subject to change without notice.

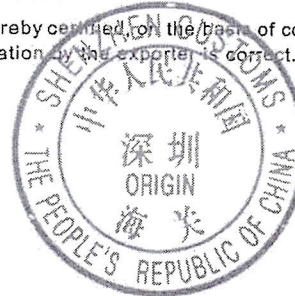
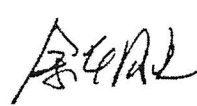
Guangdong Sofar Smart Solar Technology Co., Ltd

No.1, Dongsheng North Road, Chenjiang Street, Zhongkai High-tech Zone, Huizhou City
Tel: 0752-3166990

CERTIFICATE OF QUANTITY AND QUALITY

Issuer: Guangdong Sofar Smart Solar Technology Co., Ltd				Date: 2026/7/14			Invoice No.: GD-SEA-VN-202604-0122-v1-2&0123-V1-1	
To: SODEMA JOINT STOCK COMPANY ADDRESS WITH POSTAL CODE: FLOOR 3, APARTMENT L1.10, NO. 430 CAU AM STREET, HA DONG WARD, HANOI CITY, VIETNAM 10000 TELEPHONE: +84 976 534 591 CONTACT PERSON: MS ROSIE - PURCHASING STAFF VAT: 0108379979 EMAIL: PURCHASING01@SODEMA.VN							P/I No.: GD-SEA-VN-202604-0122-v1-2&0123-V1-1	
From: SHEKOU, CHINA							Country of Origin: CHINA	
To: VIETNAM				Terms of Delivery HO CHI MINH CITY, VIET NAM				
Name of Commodity	Description& Specification	Qty. (Unit)	Country standard	Ctns	Volume (CBM)	Warranty (Years)	N.W. (KG)	G.W. (KG)
RECHARGEABLE LI-ION BATTERY	SOFAR SF-16KWH-L1	80	VIETNAM	80	20.00	10	8880.00	10720.00
In Total:		80		80	20.00		8880.00	10720.00
HERE, WE CERTIFIED THAT THE GOODS MENTIONED ABOVE HAVE BEEN INSPECTED, TESTED AND UNLESS OTHERWISE STATED. CONFORM IN ALL RESPECTS OF THE INVOICE: GD-SEA-VN-202604-0122-v1-2&0123-V1-1								

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) GUANGDONG SOFAR SMART SOLAR TECHNOLOGY CO., LTD. NO. 1, DONGSHENG NORTH ROAD, CHENJIANG STREET, ZHONGKAI HIGH-TECH ZONE, HUIZHOU CITY, CHINA. TEL: +86 0752-3166990			Reference No. E26MA55K4XQ30041 		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) SODEMA JOINT STOCK COMPANY ADDRESS: FLOOR 3, APARTMENT L1.10, NO. 430 CAU AM STREET, HA DONG WARD, HANOI CITY, VIETNAM 10000 TELEPHONE: +84 976 534 591 CONTACT PERSON: MS ROSIE - PURCHASING STAFF VAT: 0108379979 EMAIL: PURCHASING01@SODEMA.VN			ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date JUL. 20, 2026 Vessel's name / Aircraft etc. <u>MSC IDA II HZ629A</u> Port of Discharge <u>HO CHI MINH, VIET NAM</u> FROM SHEKOU, CHINA TO HO CHI MINH, VIET NAM BY SEA			4. For Official Use Verification: <u>origin.customs.gov.cn</u> ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	EIGHTY (80) BOXES OF RECHARGEABLE LI-ION BATTERY HS CODE: 8507.60 *** **	"PE"	80PIECES	GD-SEA-VN-20 2604-0122-V1 -2&0123-V1-1 JUL. 14, 2026
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <u>VIET NAM</u> (Importing Country)  <u>Shenzhen, China, JUL. 21, 2026</u> Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.    2653000295451 <u>Shenzhen, China, JUL. 21, 2026</u> Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate			☐ Exhibition ☐ Third Party Invoicing		

615W (Bifacial)

MODEL:

132HC TOPCON Tempered Glass

132 CELL

Topcon Mono 16BB

22.77%

MAXIMUM EFFICIENCY

0~+5%

POWER OUTPUT TOLERANCE

KEY FEATURE



PID Resistance with long term reliability.



Increased string length & low BOS cost.



Withstand upto 2400 Pa of wind load.



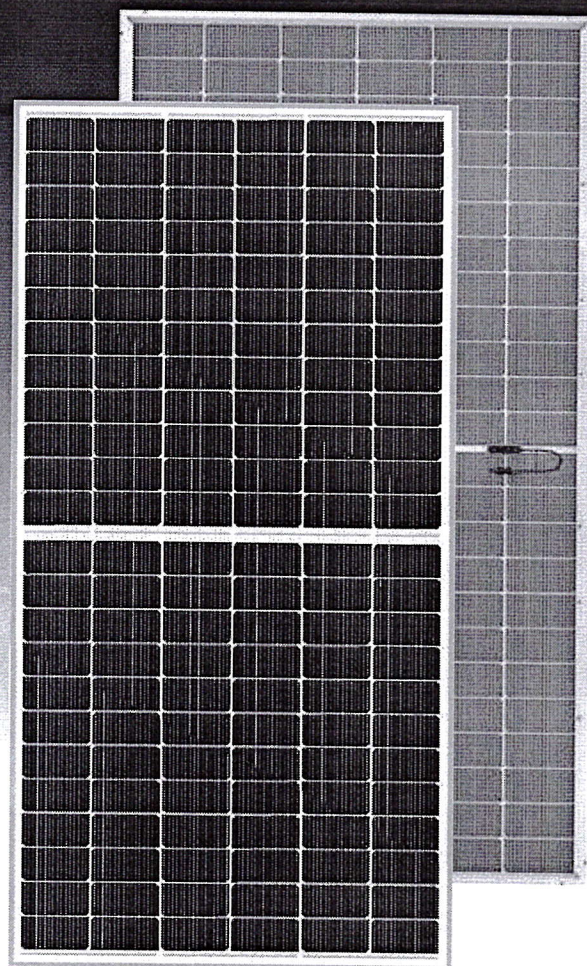
Better Performance even at low irradiation.



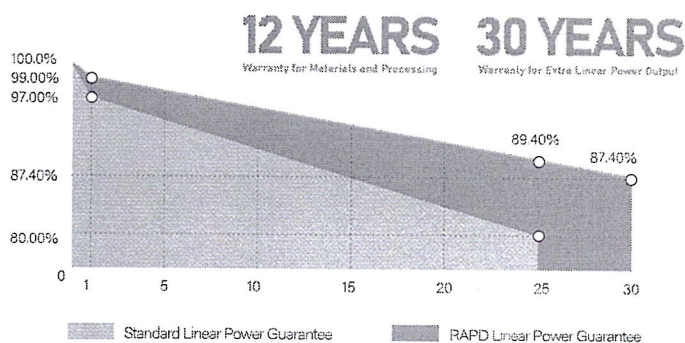
Withstand upto 5400 Pa of snow load.



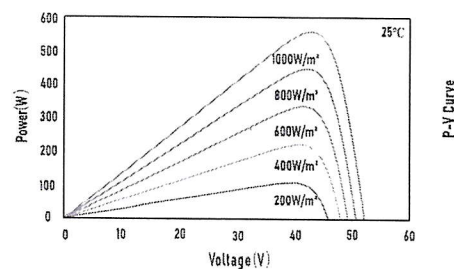
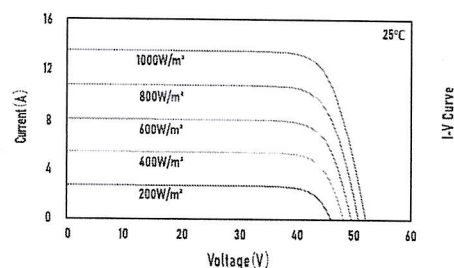
Rigorous Testing Criteria
100% EL Inspection ensuring defect-free modules.



LINEAR POWER PERFORMANCE



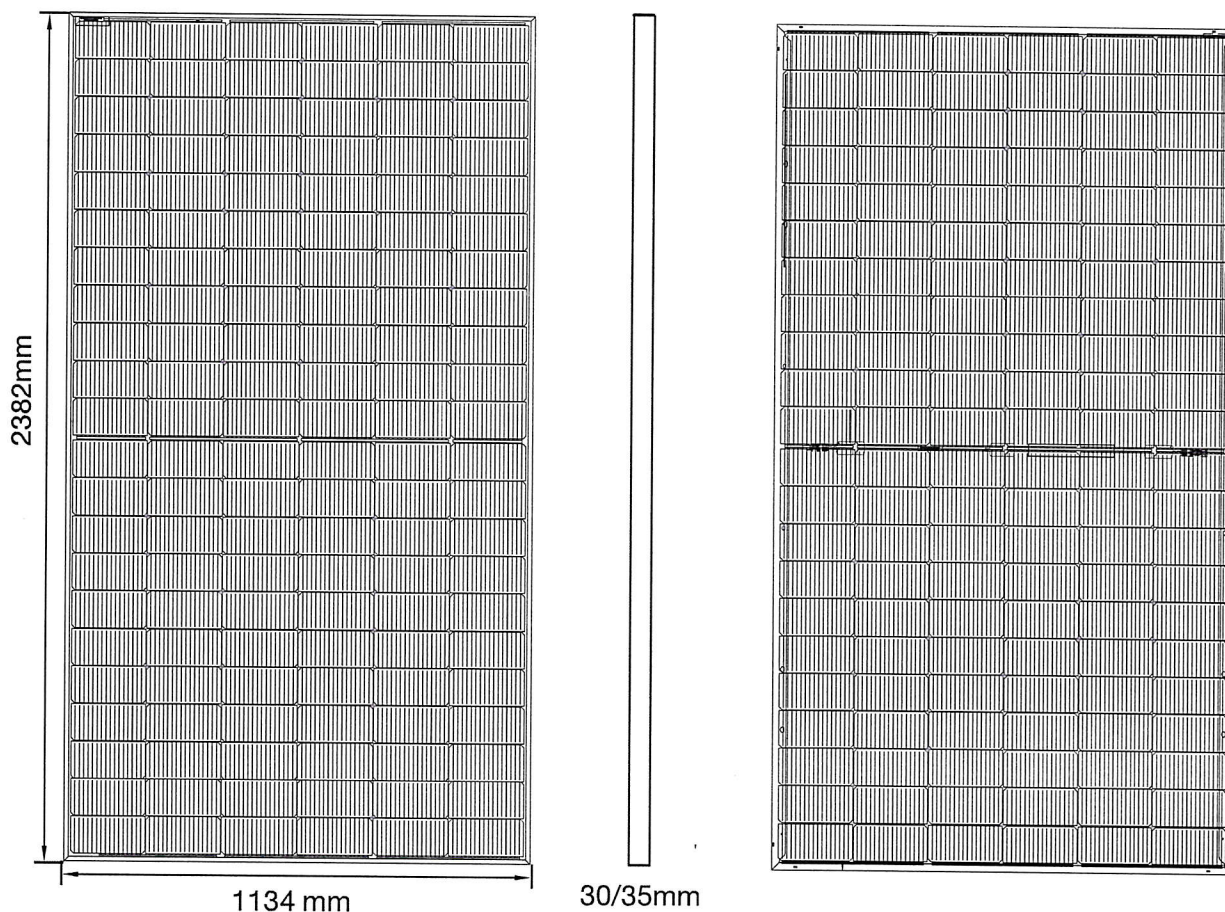
Characteristic Curves(615W)



MECHANICAL PARAMETERS		RPD615N-132BF	
Testing Condition		STC	NOCT
Maximum Power	PMAX(W)	615	469
Maximum Power Voltage	Vmp(V)	40.98	38.44
Maximum Power Current	Imp(A)	15.01	12.20
Open Circuit Voltage	Voc(V)	48.90	45.82
Short Circuit Current	Isc(A)	15.88	12.83
Power Output Tolerance	(%)	0~+5	
Module Efficiency	(%)	22.77	

STC: Irradiance 1000 W/m², Cell Temperature 25°C, Air Mass AM1.5, Average efficiency reduction of 4.5% at 200W/m²
NOCT: Irradiance at 800 W/m² Ambient Temperature 20°C, Wind Speed 1m/s.

DIMENSIONS OF PV MODULE



MECHANICAL PARAMETERS

Model Nameplate	RPD615N-132BF
Model Certificate	RD-132G12RHC615W
Cells Type	Mono-crystalline 182*105mm,16/Busbars
Cell Orientation	132Cells (6*22)
Dimensions	2382*1134*35/30mm
Weight	33.7kg
Front Cover	2.0+2.0mm Tempered Glass
Cable	4mm ² (IEC)/12AWG(UL), 300mm + 300mm, or customized
Connector	MC4 Original/Compatible
Junction Box	IP68

TEMPERATURE RATINGS

Nominal Operating Cell Temperature(NOCT)	45°C±2°C
Temperature Coefficient of P _{MAX}	-0.25%/C
Temperature Coefficient of V _{oc}	0.04%/C
Temperature Coefficient of I _{sc}	-0.29%/C
Bifacial	80%

OPERATING PARAMETERS

Operational Temperature	-40~+85°C
Maximum System Voltage	1500V(IEC)/1500V(UL)
Max Series Fuse Rating	25A
Snow Load/Wind Load	5400Pa/2400Pa

PACKAGING CONFIGURATION

Per Pallet: 31/37 Pieces

Per 40HQ Container: 620/740 Pieces(20 Pallet)

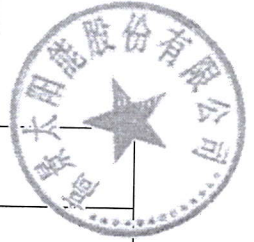
PRODUCT Certifications



P&N Inter Group Supply Co., Ltd
 No. 69/10 Moo 5 Pantainorasing 4 Rama2 road Mueng,
 Samutsakorn 74000
 Tel. (+66)089-33333-22
 Email : pn.thailand.official@gmail.com
 Website: www.rapdsolarthailand.com

广州高景太阳能科技有限公司

Guangzhou Gokin Solar Energy Technology Co., Ltd.



组件成品出货检验报告 PV Module Pre-shipment Inspection Certificate			
编号 CI-PN ENERGY -20260228		日期 Date:2026-1-10	
客户信息 Customer	P&N INTER GROUP SUPPLY CO., LTD	数量 (块) Quantity (PCS)	2960
合同号 Contract No.	GKIN-202601-006-H	产品及型号 Product & Model	RPD615N-132B F
标称功率 (瓦) Nominal Power (W)	615	产品规格 (毫米) Product Size (mm)	2278*1134*30
检验项目 Inspection Items	检验标准 (或技术要求) Inspection Criteria		检验结果 Result
外观质量 Appearance Quality	GKM • TN-PD-T003 非分布式组件外观检验标准		OK
组件尺寸 Component Size			OK
功率测试 Power	GKM • TN-PD-T001 组件电性能参数标准		OK
绝缘耐压测试 Dielectric Strength Test	IEC61215		OK
EL 检测 EL Test	GKM • TN-PD-T001 组件 EL 测试检验标准		OK
包装 Package	GKM • TN-QC-T012 光伏组件用包装材料技术标准		OK
检验结论 Conclusion	符合广州高景太阳能科技有限公司的质量相关要求 Qualified against quality control Criteria of Gokin.		

产品质量合格证 Product Certificate of Quality				
根据广州高景太阳能科技有限公司的质量相关要求，产品特征经检验符合以下标准： According to the related quality requirements of Guangzhou Gokin Solar Energy Technology Co., Ltd., the characteristics of Products have been tested to meet the following standards:				
序号 No.	产品规格 (毫米) Product Size (mm)	外观 Appearance	电性能 Electrical Performance	各项指标 Test Indexes
1	2278*1134*30	OK	OK	OK
特此证明以上广州高景太阳能科技有限公司供应的产品满足质量要求。 We hereby certify that the above Products supplied by Guangzhou Gokin Solar Energy Technology Co., Ltd., meet the quality requirements.				

ORIGINAL

1. Exporter GUANGZHOU GOKIN SOLAR TECHNOLOGY CO., LTD. NO. 3/HEJIN AVENUE, HUADU DISTRICT AUTOMOTIVE INDUSTRY BASE, GUANGZHOU, CHINA VIA GOKIN SOLAR (HONGKONG) COMPANY LIMITED FLAT/RM 04-05 16/F THE BROADWAY NO 54-62 LOCKHART ROAD WANCHAI HK CHINA		Serial No. CCPIT664260004350 Certificate No. 26C654005256/00021		
2. Consignee CERGY ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD. TAX NUMBER: 0317899470 ADDRESS: NO. 111/A NGUYEN DUY TRINH STREET, LONG TRUONG WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM CONTACT PERSON: CHUONG VO PHONE: +84699229682				
3. Means of transport and route FROM SHEKOU CHINA TO HO CHI MINH VIETNAM BY SEA		5. For certifying authority use only CHINA COUNCIL FOR THE PROMOTION OF INTERNATIONAL TRADE IS CHINA CHAMBER OF INTERNATIONAL COMMERCE ISSUED RETROSPECTIVELY		
4. Country / region of destination VIETNAM		VERIFY URL: HTTP://CHECKECCOCCPIT.NET/		
6. Marks and numbers RAP/D	7. Number and kind of packages/description of goods ONE HUNDRED AND TWENTY (120) PALLETS OF SOLAR MODULES SOLAR PANELS HS CODE: 854143	8. H.S. Code 85414300	9. Quantity 4440 PIECES	10. Number and date of invoices CERNERGY 20260226 FEB 26, 2026
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct, that all the goods were produced in China and that they comply with the Rules of Origin of the People's Republic of China.		12. Certification It is hereby certified that the declaration by the exporter is correct.		
 GUANGZHOU, CHINA MAR 20, 2026		 GUANGZHOU, CHINA MAR 21, 2026		
Place and date, signature and stamp of authorized signatory		Place and date, signature and stamp of certifying authority		

